

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

LÊ THỊ HỒNG HẠNH

**BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI
TRONG XÂY DỰNG LUẬT Ở VIỆT NAM**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 9380102

Hà Nội – 2026

Luận án được hoàn thành tại:
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học : 1. PGS.TS. Nguyễn Văn Quang
2. TS. Đoàn Thị Tố Uyên

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường,
hợp tại Trường Đại học Luật Hà Nội vào hồi.... ngày... tháng.... Năm 202..

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- 1) Thư viện Quốc gia
- 2) Thư viện Trường Đại học Luật Hà Nội

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Bình đẳng giới được xem là một trong những mục tiêu trọng yếu hướng tới phát triển bền vững của xã hội, đồng thời là tiêu chí cơ bản phản ánh mức độ tiến bộ của mỗi quốc gia. Cốt lõi của bình đẳng giới nằm ở việc bảo đảm sự bình đẳng về địa vị, cơ hội và quyền lợi giữa nữ giới và nam giới trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Trên bình diện pháp lý quốc tế, nhiều điều ước, công ước quốc tế đã được thông qua nhằm bảo vệ và thúc đẩy quyền của phụ nữ. Trong số đó, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW), được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 18 tháng 12 năm 1979, được coi là văn kiện toàn diện và có ý nghĩa nền tảng nhất.

Bình đẳng giới được thể hiện trên hai phương diện cơ bản: bình đẳng giới về pháp lý và bình đẳng giới thực chất. Bình đẳng giới về pháp lý được hiểu là sự ghi nhận và thể hiện nguyên tắc bình đẳng giới trong các văn bản quy phạm pháp luật. Các quy định này đóng vai trò là cơ sở pháp lý nhằm bảo đảm việc thực thi bình đẳng giới trong đời sống xã hội, đồng thời ngăn ngừa tình trạng bất bình đẳng giới có thể xảy ra. Ngược lại, bình đẳng giới thực chất phản ánh mức độ bình đẳng đạt được trong thực tiễn - tức là việc các quyền và cơ hội bình đẳng không chỉ tồn tại trên văn bản pháp luật mà còn được hiện thực hóa trong đời sống hằng ngày. Việc hiện thực hóa này được bảo đảm thông qua quá trình tổ chức thi hành, giám sát và đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật về bình đẳng giới.

Hai phương diện này có mối quan hệ hữu cơ, gắn bó và tác động qua lại lẫn nhau. Bình đẳng giới về pháp lý là điều kiện tiên quyết, tạo cơ sở và định hướng cho việc triển khai các hoạt động thực tiễn nhằm đạt được bình đẳng giới thực chất. Ngược lại, kết quả đạt được trong thực tiễn về bình đẳng giới lại là căn cứ quan trọng để đánh giá tính phù hợp, hiệu lực và hiệu quả của các quy định pháp luật hiện hành, qua đó giúp các cơ quan có thẩm quyền kịp thời điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Mục tiêu cao nhất của quá trình hoàn thiện pháp luật về bình đẳng giới là hướng tới việc hiện thực hóa bình đẳng giới thực chất trong đời sống xã hội. Mọi chiến lược, chính sách hay biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới đều quy tụ về mục tiêu này - bảo đảm cho cả nam và nữ được hưởng các quyền, cơ hội và điều kiện phát triển một cách công bằng, toàn diện và bền vững.

Hiểu theo nghĩa khái quát, xây dựng pháp luật là hoạt động của Nhà nước nhằm ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy phạm pháp luật để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các quan hệ xã hội đang vận động và phát triển. Đây là quá trình thể hiện và chuyển hóa ý chí của Nhà nước và nhân dân thành các quy định có giá trị pháp lý, qua đó bảo đảm pháp luật phản ánh được nhu cầu, lợi ích chung của xã hội. Ở Việt Nam, xây dựng pháp luật là một quy trình có tính chất trọng yếu và phức tạp, bao gồm chuỗi các hoạt động kế tiếp, liên hệ và tác động lẫn nhau một cách chặt chẽ. Quá trình này được thực hiện bởi nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền, vị trí, chức năng và trách nhiệm khác nhau, song đều hướng tới mục tiêu chung là cụ thể hóa ý chí của Nhà nước và nhân dân Việt Nam thành các quy phạm pháp luật, trên cơ sở tuân thủ những nguyên tắc pháp lý nhất định và được thể hiện dưới các hình thức pháp lý thích hợp, chủ yếu là văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, luật là loại văn bản quy phạm pháp luật điển hình, mang đầy đủ các đặc trưng của quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Như vậy, có thể khẳng định rằng bản chất của hoạt động xây dựng luật là một quá trình có tổ chức, mang tính hệ thống, bao gồm nhiều giai đoạn kế tiếp nhau nhằm hình thành và hoàn thiện các quy phạm pháp luật. Cả xây dựng pháp luật nói chung và xây dựng luật nói riêng đều là hoạt động được tiến hành một cách chặt chẽ, có kế hoạch, do các chủ thể có

thẩm quyền thực hiện theo trình tự, thủ tục pháp lý được pháp luật quy định, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật nói chung và xây dựng luật nói riêng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cả về phương diện chính trị, pháp lý, xã hội, kinh tế và quyền con người. Trước hết, đây là yêu cầu tất yếu để hiện thực hóa nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử - một trong những giá trị nền tảng của Nhà nước pháp quyền hiện đại. Thông qua việc lồng ghép giới trong quá trình xây dựng pháp luật, các quy định pháp luật được thiết kế trên cơ sở nhận diện đầy đủ sự khác biệt về vị thế, nhu cầu, điều kiện và cơ hội của phụ nữ, nam giới, từ đó bảo đảm mọi chủ thể đều được thụ hưởng quyền và cơ hội phát triển một cách công bằng, thực chất chứ không chỉ bình đẳng về mặt hình thức.

Về phương diện pháp lý, bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật góp phần nâng cao chất lượng, tính công bằng và tính khả thi của hệ thống pháp luật. Các quy định pháp luật được rà soát dưới góc độ giới sẽ hạn chế nguy cơ chứa đựng những định kiến, khuôn mẫu giới hoặc các quy định có tác động bất lợi đối với một giới nhất định. Đồng thời, việc đánh giá tác động giới trong quá trình xây dựng pháp luật giúp dự báo những hệ quả khác nhau mà chính sách có thể tạo ra đối với nam giới và phụ nữ, qua đó lựa chọn giải pháp điều chỉnh phù hợp và hiệu quả hơn.

Về phương diện quyền con người, bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật là công cụ quan trọng để thực hiện các cam kết quốc gia và quốc tế về quyền con người, đặc biệt là quyền của phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương. Điều này góp phần bảo đảm quyền tiếp cận công lý, quyền tham gia đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và quyền được bảo vệ khỏi mọi hình thức phân biệt đối xử trên cơ sở giới. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để thực hiện các nghĩa vụ của quốc gia theo các điều ước quốc tế về quyền con người và bình đẳng giới.

Về phương diện phát triển kinh tế - xã hội, việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật tạo điều kiện khai thác và phát huy đầy đủ tiềm năng, nguồn lực của cả phụ nữ và nam giới trong quá trình phát triển đất nước. Các chính sách và quy định pháp luật có nhạy cảm giới sẽ góp phần thu hẹp khoảng cách giới trong giáo dục, việc làm, thu nhập, tiếp cận nguồn lực, an sinh xã hội và cơ hội lãnh đạo, quản lý. Qua đó, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và bảo đảm sự phát triển bao trùm. Về phương diện xã hội, bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật góp phần thay đổi nhận thức xã hội, xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới mang tính lịch sử, thúc đẩy sự chia sẻ trách nhiệm giữa các giới trong gia đình và xã hội. Hệ thống pháp luật có tính nhạy cảm giới không chỉ điều chỉnh hành vi mà còn định hướng các giá trị xã hội tiến bộ, tạo dựng môi trường xã hội công bằng, dân chủ và văn minh hơn.

Bên cạnh đó, thực tế xã hội vẫn đang còn tồn tại tình trạng bất bình đẳng giới: cả nam giới và nữ giới đều đang phải chịu nhiều định kiến giới nặng nề làm cản trở sự phát triển của mỗi cá nhân. Định kiến giới và bất bình đẳng giới còn là một trong những nguyên nhân dẫn đến tỉ lệ sinh ở Việt Nam có xu hướng giảm mạnh trong thời gian gần đây. Giới trẻ e ngại việc kết hôn và sinh con một phần cũng do quá nhiều gánh nặng từ việc nhà và chăm sóc gia đình, con cái vẫn đang đè nặng lên người phụ nữ.

Ngoài ra, trong bối cảnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật còn là thước đo quan trọng phản ánh mức độ dân chủ, tính bao trùm và khả năng đáp ứng nhu cầu đa dạng trong xã hội của hệ thống pháp luật. Một hệ thống pháp luật chỉ thực sự công bằng và hiệu quả khi những lợi ích, tiếng nói và nhu cầu của các nhóm giới khác nhau được xem xét, phản ánh và bảo vệ một cách đầy đủ trong toàn bộ quá trình hoạch định và xây dựng chính sách, pháp luật. Bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật không chỉ nhằm loại bỏ sự phân biệt đối xử

giữa các giới mà còn hướng tới mục tiêu rộng lớn hơn là xây dựng một hệ thống pháp luật công bằng, nhân văn, hiệu quả và phát triển bền vững, bảo đảm mọi cá nhân đều có cơ hội như nhau để phát triển và đóng góp cho xã hội. Nhận thấy ý nghĩa quan trọng của việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật cùng với mong muốn tăng cường hiệu quả bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật, tác giả đã quyết định lựa chọn đề tài: **“Bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam”** làm đề tài cho luận án tiến sĩ của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu của luận án

Mục đích tổng quát của luận án là xây dựng được hệ cơ sở lý luận về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật, đánh giá được thực trạng bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam và đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện nhằm thúc đẩy bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật để từ đó góp phần đạt được bình đẳng giới thực chất trong thực tiễn.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, luận án xác định các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau đây:

Một là, hệ thống hóa cơ sở lý luận về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật; làm rõ khái niệm, chủ thể, nội dung và nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật.

Hai là, nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới trong bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật, rút ra những bài học có giá trị cho Việt Nam.

Ba là, phân tích, đánh giá một cách toàn diện và khách quan thực trạng quy định pháp luật về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam; xác định những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế đó.

Bốn là, nghiên cứu làm rõ quan điểm tăng cường bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam hiện nay và đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu của luận án:

Một là, các vấn đề lý luận liên quan đến bình đẳng giới và bảo đảm bình đẳng giới trong quy trình xây dựng luật. Cụ thể: khái niệm bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật; nội dung bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật; sự cần thiết bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật; các yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật; kinh nghiệm quốc tế có giá trị tham khảo trong lĩnh vực này.

Hai là, thực trạng bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật gồm các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam và thực tiễn về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật.

Ba là, các quan điểm và giải pháp tăng cường bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

Về phạm vi nội dung: Luận án xác định trọng tâm bình đẳng giới là bình đẳng giữa nam giới và nữ giới, không nghiên cứu theo hướng mở rộng khái niệm này. Đồng thời, Luận án tập trung nghiên cứu về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng văn bản “luật” do Quốc hội ban hành, không nghiên cứu các loại văn bản quy phạm pháp luật khác. Luận án nghiên cứu nội dung bảo đảm bình đẳng giới trong quy trình xây dựng luật theo quy định của Luật Bình đẳng giới và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Về phạm vi không gian: Luận án nghiên cứu về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam và có tham khảo một số quốc gia trên thế giới.

Về phạm vi thời gian: Luận án nghiên cứu về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật từ khi có Luật bình đẳng giới năm 2006 đến nay.

4. Cơ sở lý luận, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận của luận án

Luận án được xây dựng trên nền tảng các lý thuyết cơ bản của khoa học pháp lý, khoa học chính trị và lý luận về giới. Cụ thể, có thể xác định ba nhóm cơ sở lý luận chủ đạo:

Thứ nhất, cơ sở lý luận về Nhà nước và Pháp luật.

Pháp luật không chỉ là công cụ quản lý xã hội mà còn là phương tiện bảo đảm quyền con người, quyền công dân, trong đó có bảo đảm bình đẳng giới. Lý luận này đặt nền tảng cho việc nghiên cứu vai trò của pháp luật trong việc thể chế hóa nguyên tắc bình đẳng giới, đồng thời chỉ ra rằng quá trình xây dựng luật phải bảo đảm tính dân chủ, công bằng và nhân văn, phản ánh đầy đủ nhu cầu, lợi ích hợp pháp của cả nam và nữ.

Thứ hai, cơ sở lý luận về bình đẳng giới và quyền con người.

Luận án kế thừa và phát triển các học thuyết về quyền con người, đặc biệt là quyền bình đẳng không phân biệt giới tính. Bình đẳng giới được hiểu theo ba góc độ: bình đẳng hình thức, bình đẳng bảo hộ và bình đẳng thực chất. Trên nền tảng này, luận án cho rằng việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật không chỉ dừng ở việc tránh các quy định phân biệt đối xử, mà còn phải chủ động thiết kế cơ chế pháp lý nhằm khắc phục những bất lợi thực tế do khác biệt giới gây ra. Đây là sự chuyển đổi từ tiếp cận “trung lập giới” sang tiếp cận “nhạy cảm giới” trong lập pháp.

Thứ ba, cơ sở lý luận về lồng ghép giới trong chính sách và pháp luật. Khái niệm “lồng ghép giới” do Liên hợp quốc khởi xướng và được cụ thể hóa trong các công ước quốc tế, đặc biệt là *Công ước CEDAW năm 1979*. Theo đó, mọi hoạt động hoạch định và xây dựng chính sách, pháp luật cần được xem xét dưới góc độ tác động khác biệt đối với nam và nữ. Luận án kế thừa nguyên lý này để phát triển luận điểm rằng: bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật là một quá trình xuyên suốt trong tất cả các bước của quy trình xây dựng luật.

4.2. Cách tiếp cận của luận án

Luận án vận dụng tổng hợp nhiều cách tiếp cận khoa học nhằm bảo đảm tính toàn diện, khách quan và thực tiễn trong quá trình nghiên cứu. Các cách tiếp cận chủ yếu bao gồm:

Cách tiếp cận quyền con người: Bình đẳng giới là một trong những quyền cơ bản của con người, được ghi nhận trong các điều ước quốc tế và được ghi nhận trong Hiến pháp. Từ góc độ này, việc nghiên cứu bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật được đặt trong mối quan hệ với trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền con người, bảo đảm mọi quy định pháp luật đều hướng tới việc loại bỏ phân biệt đối xử giới tính.

Cách tiếp cận giới: Luận án xem xét quá trình xây dựng luật dưới lăng kính giới, tức là phân tích sự khác biệt về vai trò, vị thế, điều kiện sống và nhu cầu của nam và nữ để nhận diện các yếu tố có thể dẫn tới bất bình đẳng trong quy định pháp luật. Cách tiếp cận này giúp làm rõ vì sao những quy định tưởng như trung lập giới lại có thể tạo ra bất lợi cho phụ nữ hoặc nam giới trong thực tiễn thi hành.

Cách tiếp cận thể chế: Luận án phân tích thẩm quyền, vị trí, vai trò của các cơ quan nhà nước tham gia vào quá trình lập pháp, qua đó xác định những hạn chế thể chế có thể ảnh hưởng đến việc bảo đảm bình đẳng giới trong quá trình xây dựng luật. Điều này giúp luận án đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện để nâng cao năng lực của các cơ quan nhà nước trong bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật.

Cách tiếp cận thực chứng - chuẩn tắc: Luận án không chỉ dừng lại ở phân tích lý luận, mà còn khảo sát thực tiễn bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam thời gian qua, từ đó đối chiếu với chuẩn mực pháp lý quốc tế và lý thuyết pháp luật hiện đại.

4.3. Phương pháp nghiên cứu của luận án

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, luận án sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp khoa học, kết hợp giữa phương pháp của khoa học pháp lý truyền thống và các phương pháp nghiên cứu liên ngành hiện đại, cụ thể như sau:

Phương pháp phân tích - tổng hợp: Đây là một trong những phương pháp được luận án sử dụng xuyên suốt. Trong Chương 1, phương pháp này được sử dụng nhằm tổng hợp các quan điểm lý luận và kết quả nghiên cứu trước đây về bình đẳng giới, phân tích nội hàm từ đó xây dựng hệ thống luận điểm khoa học cho đề tài. Trong Chương 2, Phương pháp này được sử dụng để phân tích nội dung các quy định pháp luật hiện hành, đánh giá quy định pháp luật hiện hành, tổng hợp thực trạng. Trong Chương 3, phương pháp này được sử dụng khi tác giả tổng hợp và phân tích các quan điểm tăng cường bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam.

Phương pháp so sánh: được dùng để đối chiếu quy định của pháp luật Việt Nam với các chuẩn mực quốc tế (như Công ước CEDAW, hướng dẫn của UN Women, mô hình lập pháp có trách nhiệm giới ở một số quốc gia). Qua đó, luận án chỉ ra những điểm tương đồng, khác biệt và khoảng cách cần khắc phục trong bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam.

Phương pháp lịch sử - pháp lý: Được sử dụng để nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của quy định pháp luật Việt Nam về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật, đặc biệt là sự chuyển biến từ tiếp cận hình thức sang tiếp cận thực chất.

Phương pháp điều tra xã hội học: Luận án thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua khảo sát các cán bộ làm công tác pháp chế, cán bộ của các cơ quan ở trung ương tham gia vào quy trình xây dựng luật. Mục tiêu là thu nhận đánh giá thực tiễn về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình bảo đảm bình đẳng giới khi xây dựng luật.

Phương pháp thống kê: Được sử dụng để tổng hợp, phân loại và phân tích các số liệu thực tiễn liên quan đến tỷ lệ nữ trong cơ quan lập pháp, các báo cáo đánh giá tác động giới, báo cáo lồng ghép bình đẳng giới, số lượng dự án luật có nội dung lồng ghép giới... nhằm làm rõ thực trạng của vấn đề nghiên cứu.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

5.1. Ý nghĩa khoa học của luận án

Luận án có ý nghĩa khoa học sâu sắc trên nhiều phương diện, cả về lý luận pháp lý, lý thuyết giới:

Thứ nhất, luận án góp phần làm rõ và phát triển lý luận về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật, đặc biệt là nội hàm khái niệm bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật, ý nghĩa và vai trò của bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật, nội dung bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật, trách nhiệm bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật và các yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật.

Thứ hai, luận án xây dựng và hệ thống hóa khung lý thuyết về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc lý thuyết quốc tế và vận dụng phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Thứ ba, luận án có đóng góp trong việc làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa bảo đảm bình đẳng giới và kỹ thuật lập pháp. Thông qua việc phân tích việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật, luận án chứng minh rằng bình đẳng giới không chỉ là giá trị chính trị - xã hội, là mục tiêu cần đạt được mà còn là tiêu chí kỹ thuật trong xây dựng pháp luật. Từ đó, luận án mở ra hướng nghiên cứu liên ngành giữa khoa học pháp lý và nghiên cứu giới.

Thứ tư, luận án tạo cơ sở khoa học để hình thành hệ tiêu chí đánh giá mức độ bảo đảm bình đẳng giới trong quá trình xây dựng luật, bao gồm tiêu chí về nội dung, quy trình và kết quả pháp lý. Bộ tiêu chí này có thể được phát triển thành công cụ hỗ trợ cơ quan lập pháp,

cơ quan thẩm tra và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc giám sát, đánh giá tính nhạy cảm giới của dự án luật.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án

Bên cạnh ý nghĩa khoa học, luận án mang giá trị thực tiễn rõ nét, có thể ứng dụng trực tiếp trong hoạt động xây dựng và hoàn thiện pháp luật ở Việt Nam hiện nay.

Thứ nhất, luận án cung cấp cơ sở lý luận cho các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tư pháp và các cơ quan chủ trì soạn thảo trong việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật. Kết quả nghiên cứu trong luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp chế cho cán bộ, công chức làm công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Thứ hai, luận án có thể đóng góp cho việc giám sát và phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội. Thông qua khung lý luận và tiêu chí được đề xuất, các tổ chức này có thể tham gia tích cực hơn vào quy trình lập pháp, phát hiện và kiến nghị sửa đổi các quy định có nguy cơ gây bất bình đẳng giới.

Thứ ba, kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy và học tập tại các cơ sở đào tạo luật và giới. Việc phát triển khái niệm bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật giúp mở rộng không gian học thuật, khuyến khích sinh viên và nghiên cứu sinh tiếp cận pháp luật từ góc độ nghiên cứu liên ngành.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, tổng quan tình hình nghiên cứu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 03 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

Chương 2. Thực trạng bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam

Chương 3. Quan điểm và giải pháp bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG XÂY DỰNG LUẬT

1.1. Khái niệm bình đẳng giới và bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

1.1.1. Khái niệm bình đẳng giới

1.1.1.1. Khái niệm giới và một số khái niệm liên quan đến giới

Khái niệm Giới tính (Sex), về bản chất, đây là một khái niệm được xây dựng từ góc độ sinh học. Theo Từ điển Tiếng Việt, “giới tính” được định nghĩa là “những đặc điểm chung phân biệt nam với nữ, giống đực với giống cái”¹.

Khái niệm Giới (Gender): Khác với giới tính, *giới* là một phạm trù xuất phát từ ngành xã hội học, dùng để chỉ những khác biệt mang tính xã hội giữa nam và nữ, chú trọng vào vai trò, trách nhiệm và quyền lợi mà từng giới đảm nhận trong các quan hệ xã hội.

1.1.1.2. Khái niệm bình đẳng giới

Khái niệm “bình đẳng giới” được luận án tiếp cận dựa trên bình đẳng giới thực chất và phạm vi chỉ tập trung vào 02 giới nam và nữ: *Bình đẳng giới thể hiện ở vị trí, vai trò, cơ hội ngang nhau giữa nam với nữ*. Mọi người, dù nam hay nữ đều được tạo điều kiện thực tế để thực hiện các quyền của mình và được thụ hưởng công bằng các thành quả của phát triển; đồng thời, Nhà nước có trách nhiệm áp dụng các biện pháp pháp lý, chính sách đặc thù nhằm khắc phục những bất lợi giới tính, hướng tới bình đẳng thực chất giữa các giới trong đời sống xã hội. Nội hàm sự “bình đẳng” phải gồm cả 02 khía cạnh: đối xử như nhau về bình đẳng về quyền và đối xử khác biệt (ưu tiên nhóm yếu thế) để bình đẳng về vị trí, vai trò, cơ hội.

1.1.2. Khái niệm xây dựng luật

Luật là một loại văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan lập pháp ban hành, có hiệu lực pháp lý chỉ đứng sau Hiến pháp - vốn được coi là đạo luật cơ bản của Nhà nước. Luật (bao gồm luật và bộ luật) quy định những vấn đề có tính nền tảng và phạm vi điều chỉnh rộng, liên quan trực tiếp đến tổ chức bộ máy nhà nước, quyền con người và các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội quan trọng của quốc gia.

Khái niệm “xây dựng luật” (law-making process) có thể hiểu là một quy trình mang tính hệ thống và kế tiếp nhau, do các chủ thể có thẩm quyền tiến hành nhằm hình thành một văn bản luật do Quốc hội ban hành, chứa các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội.

1.1.3. Khái niệm bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

Thuật ngữ “bảo đảm” (*Guarantee*) có thể hiểu là làm cho chắc chắn thực hiện được, giữ gìn được. Trong tiếng Việt, bao gồm cả nghĩa Hán Việt, thuật ngữ “bảo đảm” và “đảm bảo” được sử dụng đồng nghĩa với nhau và chia sẻ các cách hiểu tương tự.

Như vậy, có thể hiểu *khái niệm bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật là tổng thể các yếu tố, biện pháp làm cho bình đẳng giới được chú trọng xuyên suốt quy trình xây dựng luật*.

1.2. Sự cần thiết phải bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

Quá trình xây dựng VBQPPL luôn hướng tới mục tiêu tạo ra những văn bản có chất lượng cao, góp phần hình thành một hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ và hoàn thiện. Trong bối cảnh đó, việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng VBQPPL nói chung và trong quá trình xây dựng luật nói riêng, là một yêu cầu mang tính khách quan, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với tiến trình thúc đẩy bình đẳng giới của mỗi quốc gia. Tính tất yếu của việc bảo đảm bình đẳng giới trong hoạt động xây dựng luật được thể hiện qua các khía cạnh sau:

¹ Viện Ngôn ngữ học, Từ điển Tiếng Việt, NXB Hồng Đức, 2021, tr 408

1.2.1. Bảo đảm tính công bằng giữa nam giới và nữ giới trong xây dựng luật

Do đặc điểm tự nhiên và xã hội khác nhau giữa các giới, tác động của một chính sách pháp luật đối với nam và nữ thường không giống nhau. Thực tiễn cho thấy nam và nữ không chỉ khác biệt về phương diện sinh học mà còn có những trải nghiệm, nhu cầu, mối quan tâm, ưu tiên và khả năng đóng góp khác nhau trong đời sống xã hội. Chính vì vậy, cùng một chính sách phát triển kinh tế - xã hội có thể tạo ra những ảnh hưởng khác biệt đối với từng giới. Ngay cả khi một chính sách không có sự phân biệt, các yếu tố khách quan như điều kiện sống, vai trò xã hội hay cơ hội tiếp cận nguồn lực vẫn khiến mỗi giới chịu tác động theo những cách riêng. Do đó, việc bảo đảm bình đẳng giới trong quy trình xây dựng luật là cần thiết nhằm nhận diện, dự báo và đánh giá đầy đủ tác động giới của các quy định pháp luật, bảo đảm các điều kiện và cơ hội phát triển cho cả nam và nữ.

1.2.2. Bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật là cơ sở để bảo đảm quyền con người và nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật

Việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật là cơ sở để nhận diện kịp thời tình trạng bất bình đẳng giới đang tồn tại trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Xét trên phương diện bảo đảm quyền con người, đặc biệt là quyền bình đẳng giữa nam và nữ, bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật vừa là mục tiêu vừa là phương thức giúp phát hiện, phân tích nguyên nhân và đưa ra giải pháp khắc phục tình trạng bất bình đẳng. Nếu yếu tố giới không được xem xét trong quá trình xây dựng luật, nguy cơ bỏ sót hoặc không bảo vệ hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của một nhóm giới nhất định (nam hoặc nữ) hoặc gây ra bất bình đẳng giữa các cá thể trong từng nhóm giới là hoàn toàn có thể xảy ra. Do đó, đây là yêu cầu bắt buộc và phải được thực hiện xuyên suốt trong quy trình xây dựng luật.

1.2.3. Bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật góp phần nâng cao chất lượng, tính khả thi và hiệu quả của luật sau khi ban hành

Việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật còn là điều kiện quan trọng để bảo đảm tính khả thi của văn bản luật. Một trong những tiêu chí phản ánh hiệu quả của nền quản trị quốc gia là chính sách được ban hành phải bảo đảm tính công bằng, đáp ứng hài hòa lợi ích và nhu cầu của mọi giới trong xã hội. Luật pháp chỉ có thể đi vào cuộc sống khi nó tạo được môi trường bình đẳng, trong đó cả nam và nữ đều có cơ hội tham gia và thụ hưởng các lợi ích một cách công bằng. Vì vậy, việc bảo đảm bình đẳng giới ngay từ trong quy trình xây dựng luật là bước không thể thiếu để nâng cao hiệu lực và hiệu quả thi hành của các văn bản luật.

1.2.4. Bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững

Tác động giới của chính sách luôn gắn bó mật thiết và có mối quan hệ tương hỗ với các nội dung tác động khác của chính sách, như tác động về kinh tế, xã hội. Tác động về giới không thể được xem xét tách biệt mà phải được đánh giá trong mối liên hệ với các khía cạnh này. Khi đánh giá tác động kinh tế hoặc xã hội của chính sách, cần đồng thời xem xét mức độ ảnh hưởng của các tác động đó đến từng giới. Ngược lại, việc phân tích tác động giới cũng phải được đặt trong bối cảnh của các tác động kinh tế - xã hội nói chung. Do đó, việc đánh giá tác động giới cần được thực hiện một cách lồng ghép, toàn diện và xuyên suốt trong toàn bộ quy trình đánh giá tác động chính sách, nhằm bảo đảm tính đầy đủ và khách quan cho nội dung của dự thảo luật. Từ việc chú trọng đánh giá tác động giới ngay trong khi xem xét tác động về kinh tế - xã hội của chính sách sẽ góp phần nâng cao cơ hội, năng lực cho cả nam và nữ khi tham gia vào các quan hệ xã hội, từ đó góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững.

1.2.5. Thực tế xã hội vẫn đang còn tồn tại tình trạng bất bình đẳng giới

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực thúc đẩy bình đẳng giới, nhưng trên thực tế, tình trạng bất bình đẳng vẫn còn phổ biến và là rào cản lớn đối với sự phát triển bền vững. Ở nhiều địa phương, phụ nữ vẫn chưa được tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực như giáo dục, việc làm hay quyền sở hữu tài sản. Ví dụ, tại một số vùng sâu, vùng xa, phần lớn giấy tờ sở hữu tài sản lớn của gia đình vẫn đứng tên người chồng; nhiều bé gái vẫn bị hạn chế cơ hội học tập, bị ép tảo hôn... Bất bình đẳng giới là một trong những nguyên nhân gốc rễ của đói nghèo, bất công xã hội, và là yếu tố kìm hãm sự tiến bộ của nhân loại. Trong các gia đình, phụ nữ vẫn mang nhiều gánh nặng, từ hệ quả định kiến trong xã hội tồn tại quá lâu đời, phụ nữ tốn nhiều thời gian để làm những công việc không được trả công - việc nhà - đồng thời vẫn phải đảm đương nhiều trách nhiệm cuộc sống, nơi công sở.

1.2.6. Bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật là cơ sở nền tảng để thúc đẩy bình đẳng giới trong thực tế

Mục tiêu sâu xa của việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật là thu hẹp khoảng cách giới, tiến tới bình đẳng giới thực chất, bảo đảm cả nam và nữ đều được hưởng lợi một cách công bằng từ thành quả phát triển. Việc chú trọng yếu tố giới trong xây dựng pháp luật giúp tạo điều kiện để mọi giới được tiếp cận bình đẳng các cơ hội, nguồn lực và lợi ích xã hội, phát huy năng lực bản thân trên mọi lĩnh vực, qua đó nâng cao chất lượng cuộc sống của toàn dân. Để đạt được mục tiêu này, việc lồng ghép bình đẳng giới phải được triển khai xuyên suốt trong toàn bộ quy trình xây dựng luật - từ khâu đề xuất, rà soát, đánh giá tác động chính sách đến soạn thảo, thẩm định và thẩm tra - với sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức liên quan.

1.3. Nội dung bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

1.3.1. Bảo đảm bình đẳng giới trong giai đoạn lập đề nghị xây dựng luật

Việc lập đề nghị xây dựng luật với trọng tâm xây dựng chính sách là bước khởi đầu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quy trình lập pháp, nhất là đối với các trường hợp ban hành luật mới, thay thế luật hiện hành, hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến việc hạn chế quyền con người, quyền công dân. *Chính sách là tập hợp các biện pháp được thể chế hóa mà một chủ thể quyền lực hoặc chủ thể quản lý đưa ra định hướng hoạt động cho các tổ chức, cá nhân trong xã hội nhằm thực hiện một mục tiêu ưu tiên nào đó trong chiến lược phát triển của xã hội*².

Trong giai đoạn này, cơ quan chịu trách nhiệm lập đề nghị xây dựng luật đồng thời là cơ quan khởi xướng chính sách (thường do cơ quan quản lý hành chính nhà nước khởi xướng) phải bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật với các nội dung cụ thể như sau:

1.3.1.1. Bảo đảm bình đẳng giới trong thành phần ban xây dựng chính sách

Việc bảo đảm sự tham gia của phụ nữ trong quy trình xây dựng chính sách không chỉ mang ý nghĩa bảo đảm quyền đại diện về mặt hình thức mà còn có ý nghĩa thực chất trong việc nâng cao chất lượng cho các chính sách pháp luật. Sự hiện diện của phụ nữ và chủ thể đại diện bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ sẽ góp phần đưa vào quá trình hoạch định chính sách những góc nhìn đa chiều hơn, phản ánh đầy đủ hơn nhu cầu của các nhóm xã hội khác nhau, từ đó giúp các chính sách trở nên toàn diện, công bằng và khả thi hơn trong thực tiễn.

1.3.1.2. Phân tích giới để xác định chính sách trong đề nghị xây dựng luật

Phân tích giới là hoạt động đầu tiên phải thực hiện để xác định rõ các vấn đề giới, tìm hiểu nguyên nhân của bất bình đẳng giới và biện pháp khắc phục bất bình đẳng giới trong phạm vi

² Vũ Cao Đàm (2011), Kỹ năng phân tích và hoạch định chính sách, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

lĩnh vực mà luật điều chỉnh³. Cơ quan đề xuất chính sách phải nghiên cứu, thu thập và xử lý thông tin, dữ liệu về thực trạng quan hệ giữa nam và nữ trong các khía cạnh như nhu cầu, cơ hội, điều kiện, khả năng tiếp cận và thụ hưởng các nguồn lực, lợi ích.

1.3.1.3. Xây dựng chính sách có nhạy cảm giới, đáp ứng giới và chuyển biến giới

Chính sách có nhạy cảm giới: đây là yêu cầu đầu tiên để bảo đảm bình đẳng giới trong giai đoạn lập đề nghị xây dựng luật, cơ quan đề xuất xây dựng chính sách cần chú trọng xây dựng các chính sách có tính đến yếu tố giới.

Chính sách có đáp ứng giới: đây là cấp độ chính sách được xây dựng khi đã nhận diện và xem xét đầy đủ những khác biệt về vai trò, nhu cầu, điều kiện và cơ hội giữa các giới. Các chính sách này thường phù hợp khi thiết kế chính sách có mục tiêu ngắn hạn, nhằm giải quyết các vấn đề giới trước mắt.

Chính sách có chuyển biến giới được coi là mức độ cao nhất, chính sách được thiết kế để tạo ra sự thay đổi một cách toàn diện. Không chỉ phản ứng với sự khác biệt giới, mà chính sách còn chủ động thay đổi các chuẩn mực, hành vi, cấu trúc và quan hệ quyền lực giới trong xã hội, thúc đẩy sự thay đổi căn bản nhận thức và hành vi xã hội nhằm đạt được bình đẳng thực chất giữa các giới. Cách xây dựng chính sách này phù hợp khi xác định mục tiêu dài hạn, cần thời gian dài để thay đổi một cách căn bản.

1.3.1.4. Đánh giá tác động về giới của chính sách trong đề nghị xây dựng luật

Cơ quan đề nghị xây dựng luật phải thực hiện đánh giá tác động của chính sách để dự liệu tác động của chính sách sau khi ban hành. ĐGTD về giới là quá trình phân tích, dự báo và xác định ảnh hưởng của các chính sách, chương trình hay văn bản pháp luật đối với quyền lợi, cơ hội và điều kiện thực thi của các giới trong xã hội. Nó tập trung vào việc nhận diện sự khác biệt trong cách các nhóm giới tiếp cận và hưởng lợi từ chính sách, từ đó phát hiện những bất bình đẳng và phân biệt đối xử có thể xảy ra hoặc bị duy trì.

1.3.1.5. Bảo đảm bình đẳng giới trong lấy ý kiến, tham vấn đề nghị xây dựng luật

Cơ quan lập đề nghị xây dựng luật phải thực hiện: (1) Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. (2) Tổ chức hội nghị tham vấn các cơ quan nhà nước có liên quan đối với chính sách liên quan trực tiếp thuộc phạm vi, lĩnh vực phụ trách trong quá trình xây dựng chính sách.

1.3.1.6. Bảo đảm bình đẳng giới trong thẩm định đề nghị xây dựng luật

Trong giai đoạn này, việc thẩm định các nội dung liên quan đến bình đẳng giới giữ vị trí quan trọng, có thể coi là một bước “kiểm soát” việc bảo đảm bình đẳng giới. Cơ quan chủ trì thẩm định phải phối hợp chặt chẽ với các Bộ ngành và các cơ quan liên quan để xem xét, đánh giá kỹ lưỡng mức độ lồng ghép giới trong nội dung chính sách, đánh giá tác động của chính sách đối với giới, cũng như dự kiến các nguồn lực cần thiết để giải quyết các vấn đề giới phát sinh.

1.3.1.7. Bảo đảm bình đẳng giới trong giai đoạn xem xét, thông qua đề nghị xây dựng luật

Nội dung bảo đảm bình đẳng giới trong giai đoạn xem xét đề nghị xây dựng luật với trọng tâm xem xét thông qua chính sách bao gồm việc Thủ trưởng cơ quan lập đề xuất chính sách phải chỉ đạo nghiên cứu kỹ lưỡng, tiếp thu và giải trình đầy đủ các ý kiến thẩm định liên quan đến yếu tố bình đẳng giới để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ chính sách một cách toàn diện.

1.3.2. Bảo đảm bình đẳng giới trong giai đoạn soạn thảo dự án luật

1.3.2.1. Bảo đảm bình đẳng giới trong thành phần ban soạn thảo

Trước tiên, để soạn thảo được các quy định pháp luật có đáp ứng giới và chuyển biến giới, thành phần Ban soạn thảo cần có sự tham gia cân đối giữa nam và nữ, cũng

³ Trường Đại học Luật Hà Nội, Liên minh Châu Âu, Chương trình phát triển Liên hợp quốc (2023), Tập bài giảng giới, bình đẳng giới trong chính sách và pháp luật, Hà Nội

như huy động thêm các chuyên gia về giới, các nhà khoa học và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bình đẳng giới hoặc đại diện của cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về bình đẳng giới.

1.3.2.2. Soạn thảo các quy định pháp luật có nhạy cảm giới, đáp ứng giới và chuyển biến giới

Về kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ: sử dụng đồng thời ngôn ngữ trung tính giới hoặc bao trùm giới (gender-neutral / gender-inclusive language) và ngôn ngữ đặc thù giới tùy theo từng trường hợp cần quy định.

Về nội dung quy định, quy định cần được thiết kế có đáp ứng giới và chuyển biến giới. Dựa trên kết quả xây dựng chính sách, ban soạn thảo cần xác định rõ các vấn đề về giới, bảo đảm việc giải quyết những vấn đề này trong dự thảo luật; *Về kỹ thuật lập pháp:* để bảo đảm bình đẳng giới, kỹ thuật soạn thảo được sử dụng theo các cấp độ:

Một là, soạn thảo các quy định pháp luật có “nhạy cảm giới”;

Hai là, soạn thảo các quy định pháp luật có “đáp ứng giới”;

Ba là, soạn thảo quy định pháp luật có “chuyển biến giới”;

1.3.3. Bảo đảm bình đẳng giới trong giai đoạn lấy ý kiến, tham vấn và phản biện xã hội về dự án luật

Trong giai đoạn lấy ý kiến và phản biện xã hội đối với dự án luật, cơ quan chủ trì soạn thảo phải (1) tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan; (2) Tham vấn ý kiến của các chuyên gia, cơ quan, tổ chức (3) Lấy ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cử đại diện tham gia cuộc họp phản biện xã hội khi được đề nghị và (4) Đăng tải công khai hồ sơ dự án luật trên cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo và Cổng Pháp luật quốc gia để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến.

1.3.4. Bảo đảm bình đẳng giới trong giai đoạn thẩm định, thẩm tra dự án luật

Cơ quan chủ trì hoạt động thẩm định chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định dự án luật do Chính phủ trình, nội dung thẩm định dự án tập trung vào rất nhiều nội dung cụ thể trong đó có việc bảo đảm bình đẳng giới.

Đến giai đoạn thẩm tra, cơ quan chịu trách nhiệm thẩm tra (Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội) sẽ chủ trì việc thẩm tra đối với các dự án luật thuộc lĩnh vực phụ trách hoặc được giao. Trong quá trình này, nội dung thẩm tra phải toàn diện, tập trung vào nhiều vấn đề, trong đó có việc bảo đảm bình đẳng giới.

1.3.5. Bảo đảm bình đẳng giới trong giai đoạn xem xét, thông qua dự án luật

Ủy ban Thường vụ Quốc hội có thể đưa dự án luật ra thảo luận, cho ý kiến tại Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách. Dự án luật của Quốc hội được Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến tại một hoặc nhiều phiên họp. Để bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật, trong quá trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thảo luận và xem xét dự án luật, cần đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới được thể hiện rõ trong mọi hoạt động và nội dung của quá trình này. Trong giai đoạn Quốc hội thảo luận, xem xét thông qua dự án Luật tại phiên họp công khai, bảo đảm bình đẳng giới là một yếu tố then chốt cần được lồng ghép xuyên suốt quá trình xây dựng chính sách.

1.3.6. Giám sát việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

Để bảo đảm được mục tiêu bình đẳng giới trong xây dựng luật, cần thiết phải giám sát việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật - đây là công cụ quan trọng để cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo dõi việc bảo đảm bình đẳng giới từ trong quy trình xây dựng luật đến thực tiễn thi hành luật.

Giám sát ở đây gồm cả 02 góc độ: theo dõi và đánh giá việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật. Giám sát việc bảo đảm bình đẳng giới trong quá trình xây dựng luật là

một khâu then chốt nhằm bảo đảm các quy định pháp luật không chỉ tuân thủ nguyên tắc bình đẳng mà còn góp phần loại trừ các rào cản pháp lý đối với các nhóm giới.

1.4. Trách nhiệm bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

Để hiện thực hóa bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật, nhiều chủ thể với vai trò và chức năng khác nhau đã và đang tham gia vào quá trình xây dựng luật là những chủ thể có trách nhiệm bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật.

1.4.1. Trách nhiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong hệ thống chính trị Việt Nam, trách nhiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật trước hết được thể hiện ở vai trò lãnh đạo toàn diện đối với Nhà nước và xã hội. Với tư cách là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, Đảng có trách nhiệm định hướng đường lối, chủ trương và quan điểm về bình đẳng giới làm cơ sở chính trị cho hoạt động xây dựng pháp luật.

1.4.2. Trách nhiệm của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội

Quốc hội, với vị trí là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và cơ quan duy nhất có quyền lập hiến, lập pháp, giữ vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm mục tiêu bình đẳng giới trong xây dựng luật. Thông qua chức năng ban hành, sửa đổi và giám sát thực thi các đạo luật, Quốc hội trực tiếp quyết định việc lồng ghép giới vào các quy định pháp luật. Đặc biệt, Ủy ban của Quốc hội có chức năng thẩm tra các dự án luật liên quan đến các vấn đề xã hội, bao gồm cả việc bảo đảm bình đẳng giới, nhằm bảo đảm rằng các quy định pháp luật không làm phát sinh sự phân biệt đối xử trên cơ sở giới tính.

1.4.3. Trách nhiệm của Chính phủ và các bộ, ngành

Chính phủ đóng vai trò chủ thể tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật, đồng thời là cơ quan chịu trách nhiệm chủ đạo trong việc đề xuất chính sách và soạn dự thảo luật. Các bộ, ngành chuyên môn, trong đó Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là chức năng của Bộ Nội vụ) giữ vai trò cơ quan đầu mối về công tác bình đẳng giới, có trách nhiệm lồng ghép giới vào quy trình xây dựng chính sách và pháp luật. định việc lồng ghép bình đẳng giới trong dự án luật.

1.4.4. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ Quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội

Các tổ chức thành viên của Mặt trận như Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cùng các tổ chức xã hội đóng vai trò đại diện tiếng nói và lợi ích của các nhóm xã hội khác nhau. Những tổ chức này không chỉ có trách nhiệm tham gia góp ý, phản biện đối với các chính sách pháp luật, các dự thảo luật mà còn phải tích cực tuyên truyền nhằm bảo đảm các vấn đề giới được xem xét nghiêm túc trong quá trình lập pháp.

1.4.5. Trách nhiệm của các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng khoa học

Ngoài các chủ thể nêu trên, các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực giới và cộng đồng nghiên cứu khoa học pháp lý cũng có phải có trách nhiệm trong việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật. Thông qua các nghiên cứu, báo cáo phân tích và kiến nghị chính sách, các tổ chức và chuyên gia độc lập hỗ trợ việc cung cấp dữ liệu, bằng chứng khoa học nhằm nâng cao chất lượng đánh giá tác động giới và hoàn thiện các quy định pháp luật phù hợp với thực tiễn và chuẩn mực quốc tế.

1.4.6. Trách nhiệm của cơ quan báo chí, truyền thông

Báo chí và truyền thông có trách nhiệm quan trọng trong việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật bởi đây là cầu nối giữa cơ quan xây dựng luật với xã hội, đồng thời là công cụ định hình nhận thức và hành vi xã hội về các vấn đề giới.

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

Bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật là một nhiệm vụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, cần được quan tâm, triển khai một cách nghiêm túc và toàn diện. Tuy nhiên, để công tác này đạt được hiệu quả thực chất, cần xét đến nhiều yếu tố tác động khác nhau.

1.5.1. Yếu tố chính trị

Đường lối chính trị của mỗi quốc gia đóng vai trò định hướng cho toàn bộ sự phát triển đất nước, từ việc bảo vệ chủ quyền, xây dựng nền dân chủ, đến việc phát triển kinh tế - xã hội. Ở Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho Nhà nước ta thực sự là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Một trong những phương thức để Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo Nhà nước hiệu quả chính là việc ban hành các chủ trương, đường lối, định hướng lớn, sau đó được Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật.

1.5.2. Yếu tố quy định pháp luật

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung, điều chỉnh hành vi của các chủ thể trong xã hội. Chính các quy định pháp luật là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật. Nếu thiếu những quy định rõ ràng, cụ thể về nội dung và quy trình lồng ghép giới, vấn đề này rất dễ bị xem nhẹ, thậm chí bị bỏ qua trong thực tiễn lập pháp.

1.5.3. Yếu tố con người

Hoạt động xây dựng VBQPPL nói chung và luật nói riêng, là một quá trình phức tạp, bao gồm nhiều khâu và nhiều chủ thể tham gia. Kết quả của quá trình này là những sản phẩm pháp lý có giá trị điều chỉnh các quan hệ xã hội trong mọi lĩnh vực của đời sống. Do đó, để ban hành được những đạo luật vừa phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, vừa đáp ứng nguyện vọng của nhân dân và phù hợp với sự phát triển của xã hội, yếu tố con người giữ vai trò then chốt.

Trước hết, nhận thức về tầm quan trọng của bình đẳng giới trong xây dựng luật là yếu tố có tính nền tảng. *Tiếp đến*, trình độ chuyên môn và năng lực của đội ngũ cán bộ tham gia xây dựng luật cũng là nhân tố quyết định.

1.5.4. Yếu tố kinh tế - xã hội

Yếu tố kinh tế - xã hội có ảnh hưởng rất sâu sắc đến việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật, tác động vừa mang tính trực tiếp, vừa gián tiếp lên quá trình hoạch định chính sách pháp luật.

Trước hết, về mặt kinh tế, sự khác biệt về vị trí, vai trò và điều kiện tiếp cận nguồn lực kinh tế giữa nam và nữ là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến khoảng cách giới trong xã hội. Về phương diện xã hội, các yếu tố liên quan đến văn hóa, truyền thống, nhận thức xã hội và mô hình gia đình cũng quyết định mạnh mẽ cách thức và mức độ bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật. Nhiều bất bình đẳng giới bắt nguồn từ những chuẩn mực xã hội như phân chia vai trò giới cứng nhắc, định kiến giới, hoặc hạn chế về sự tham gia chính trị, giáo dục, đào tạo của phụ nữ.

1.5.5. Một số yếu tố khác

Công cụ - đặc biệt là các bộ công cụ phân tích giới, giữ vai trò quan trọng trong việc đảm bảo bình đẳng giới khi xây dựng luật. *Yếu tố tài chính* là then chốt để triển khai các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, đánh giá tác động giới, tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo nâng cao năng lực cho cán bộ và thực hiện các chiến dịch truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

Bên cạnh đó, một số yếu tố vật lực như công nghệ thông tin, hệ thống số liệu thống kê phân tách theo giới, hệ thống giám sát thực thi pháp luật và phản hồi cộng đồng cũng ảnh hưởng không nhỏ tới việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật.

Thêm vào đó, sự phối hợp và hỗ trợ từ các nguồn lực quốc tế cũng đóng góp quan trọng vào việc tăng cường nguồn lực trong nước, nhất là trong các hoạt động đào tạo chuyên sâu, nghiên cứu và thực hiện các mô hình thí điểm về bình đẳng giới.

Ngoài ra, yếu tố lãnh đạo và quản lý đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Sự cam kết rõ ràng, trách nhiệm cao và chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo trong hoạt động bảo đảm bình đẳng giới là điều kiện cần thiết để các chủ trương, chính sách được thực thi một cách đồng bộ và hiệu quả. Cùng với đó, việc phát huy đúng vai trò, vị trí của các tổ chức như Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam... trong công tác tham mưu, giám sát và phản biện xã hội, cũng tạo nên động lực thúc đẩy việc bảo đảm bình đẳng giới trong hoạt động lập pháp.

1.6. Kinh nghiệm quốc tế về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

1.6.1. Kinh nghiệm quốc tế về đánh giá tác động về giới trong xây dựng luật

Các quốc gia đều thống nhất bình đẳng giới là mục tiêu xã hội và lồng ghép giới không chỉ là yêu cầu mà còn là công cụ kỹ thuật bắt buộc trong hoạch định chính sách, lập pháp. Trong đó, tại rất nhiều quốc gia, đánh giá tác động về giới (Gender Impact Assessment – GIA) được xác lập như một phần cốt lõi trong chiến lược lồng ghép giới trong xây dựng luật, góp phần bảo đảm bình đẳng giới.

1.6.2. Kinh nghiệm quốc tế về bảo đảm bình đẳng giới trong soạn thảo quy định pháp luật

Các quốc gia thường rất quan tâm đến kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ khi xây dựng pháp luật để đảm bảo bình đẳng giới, tiêu biểu có thể kể đến kinh nghiệm ở Úc và Canada. Tại Úc, Cơ quan soạn thảo (Office of Parliamentary Counsel) phát hành các Drafting Directions (Hướng dẫn soạn thảo) rất cụ thể về sử dụng ngôn ngữ giới-trung lập trong dự thảo luật như một phần của tiêu chuẩn kỹ thuật lập pháp.⁴ Tương tự như vậy, tại Canada Chính phủ cũng ban hành Bộ hướng dẫn “Viết bao trùm giới – Hướng dẫn soạn thảo bằng tiếng Anh” (“Gender-inclusive writing – Guidelines for writing in English”).

Những điểm đặc trưng trong những bộ hướng dẫn soạn thảo kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ nhằm bảo đảm bình đẳng giới tại các quốc gia được phân chia thành các nhóm: ngôn ngữ có đặc thù giới và ngôn ngữ trung tính về giới (gender-specific and gender-neutral language).⁵

Về hướng dẫn sử dụng các từ ngữ mang tính đặc thù giới,

Chỉ sử dụng ngôn ngữ giới đặc thù như các danh từ “woman” (phụ nữ), “man” (đàn ông), “sister” (chị/em gái) và “son” (con trai), cùng với các đại từ nhân xưng “he” và “she” khi mục đích lập pháp là đề cập đến những người thuộc một giới tính, bản dạng giới hoặc cách thể hiện giới nhất định. Chẳng hạn các quy định về nghỉ thai sản đối với nữ, hoặc Đạo luật Bình đẳng Tiền lương (Pay Equity Act), Đạo luật Bình đẳng Việc làm (Employment Equity Act) và Đạo luật về Phụ nữ và Bình đẳng Giới (Department for Women and Gender Equality Act), có nhiều quy định đề cập cụ thể đến “phụ nữ”, bởi mục tiêu của các đạo luật này bao gồm việc khắc phục sự phân biệt đối xử mà phụ nữ phải đối mặt.⁶

Về hướng dẫn sử dụng ngôn ngữ trung tính giới,

Về cách dùng đại từ chỉ nam và nữ, khi sử dụng đại từ nhân xưng chỉ giới tính nam, phải luôn đi kèm với đại từ nhân xưng chỉ giới tính nữ (và ngược lại). Người soạn thảo nên cân nhắc, trong từng trường hợp cụ thể, liệu có nên tránh việc sử dụng đại từ chỉ riêng nam, nữ hoàn toàn bằng cách lặp lại danh từ liên quan thay vì dùng đại từ.

⁴ Australian Government, Office of Parliamentary Counsel, *Drafting direction*, <https://www.opc.gov.au/drafting-resources/drafting-directions>, truy cập ngày 15/5/2025

⁵ Australian Government, Office of Parliamentary Counsel, *Drafting direction*, tldd

⁶ Canada Government, *Gender-inclusive writing – Guidelines for writing in English*, <https://www.noslangues-ourlanguages.gc.ca/en/ressources-resources/ecriture-inclusive-writing/principes-anglais-guidelines-english-eng>, truy cập ngày 25/5/2025

1.6.3. Kinh nghiệm quốc tế về giám sát việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

Tại nhiều quốc gia trên thế giới đã xây dựng được mô hình tương đối điển hình về việc giám sát, đánh giá việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật, mà cụ thể là việc giám sát, đánh giá việc lồng ghép giới trong xây dựng luật.

1.6.4. Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng ngân sách có trách nhiệm giới nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

Ngân sách có trách nhiệm giới không chỉ đơn thuần là việc phân bổ ngân sách cho các chương trình liên quan đến phụ nữ hay các nhóm giới bị thiệt thòi, mà là một công cụ tài chính và chính sách trọng yếu để đánh giá và điều chỉnh cách chi tiêu công nhằm đảm bảo sự công bằng giới trong toàn bộ chu trình ngân sách, từ lập kế hoạch, thực thi, đến giám sát và đánh giá. Phương pháp này đòi hỏi phải phân tích sự khác biệt về nhu cầu, điều kiện và ảnh hưởng của các chính sách tài chính đối với các nhóm giới khác nhau, từ đó đưa ra những quyết định ngân sách nhằm thu hẹp các khoảng cách giới tồn tại trong xã hội.

1.6.5. Bài học cho Việt Nam về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

Thứ nhất, xác định bình đẳng giới như một nguyên tắc hiến định và lồng ghép giới như một kỹ thuật lập pháp bắt buộc.

Thứ hai, Việt Nam cần xây dựng và áp dụng công cụ phân tích giới, đánh giá tác động giới cụ thể trong quy trình lập pháp.

Thứ ba, tăng cường mức độ nhạy cảm giới, đáp ứng giới và chuyển biến giới trong ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo luật. Cần có bộ công cụ hướng dẫn cách sử dụng ngôn ngữ trung tính giới và đặc thù giới để có thể xây dựng các quy định pháp luật bám sát sự khác biệt giữa nam và nữ đồng thời tạo sự bình đẳng trong quy định pháp luật cho cả hai giới.

Thứ tư, tăng cường năng lực thể chế và chuyên môn về giới trong bộ máy lập pháp và hành pháp, và kỹ năng đánh giá tác động giới trong soạn thảo và thẩm định chính sách.

Thứ năm, cần xây dựng cơ chế giám sát đa tầng, có sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, theo hướng kết hợp giữa giám sát của cơ quan lập pháp, hành pháp và các tổ chức chính trị - xã hội.

Thứ sáu, phát triển hệ thống dữ liệu và ngân sách trách nhiệm giới (GRB), xác định đây là nền tảng để đánh giá, theo dõi và hoạch định chính sách pháp luật hiệu quả. Kinh nghiệm từ Canada và Liên minh châu Âu cho thấy, mọi phân tích giới đều phải dựa trên dữ liệu phân tách theo giới tính, vùng miền, độ tuổi, dân tộc và tình trạng xã hội. Việt Nam cần thiết lập cơ chế phối hợp giữa Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính, Tổng cục Thống kê để xây dựng cơ sở dữ liệu giới quốc gia, phục vụ công tác lập pháp và giám sát chính sách.

Cuối cùng, tăng cường cơ chế tham vấn công chúng và phản biện xã hội về giới trong quá trình lập pháp.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG XÂY DỰNG LUẬT Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng quy định pháp luật về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam

2.1.1. Quy định pháp luật hiện hành về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam

2.1.1.1. Khái quát quy định pháp luật về nguyên tắc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

Để bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật, yêu cầu khách quan không thể thiếu là phải có một hệ thống quy định pháp luật hoàn thiện, đồng bộ. Ở Việt Nam, Nhà nước ta ngày càng quan tâm đến công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, cũng như quan tâm đến lồng ghép bình đẳng giới trong các văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó nội dung này không chỉ có trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên mà còn được quy định đồng thời trong Luật Bình đẳng giới năm 2006 và Luật ban hành VBQPPL cùng các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.1.1.2. Quy định pháp luật về bảo đảm sự tham gia của phụ nữ và các chủ thể đại diện bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ trong ban soạn thảo dự án luật

Mặc dù Luật ban hành VBQPPL năm 2025 đã có những bước tiến nhất định trong việc lồng ghép yêu cầu bảo đảm bình đẳng giới vào quy trình xây dựng pháp luật, thể hiện qua quy định về đánh giá tác động chính sách và thuyết minh nội dung bảo đảm bình đẳng giới trong hồ sơ dự thảo văn bản, song luật vẫn chưa thiết lập cơ chế bảo đảm sự tham gia thực chất của phụ nữ và các tổ chức đại diện bảo vệ quyền lợi của phụ nữ ngay từ giai đoạn soạn thảo văn bản. Theo các quy định hiện hành, Luật năm 2025 giao cơ quan trình hoặc cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động tổ chức việc xây dựng dự thảo, lấy ý kiến các đối tượng chịu tác động, cơ quan, tổ chức có liên quan và thực hiện phản biện xã hội, nhưng không có quy định bắt buộc về tỷ lệ hoặc sự hiện diện của phụ nữ, cũng như đại diện các tổ chức hoạt động vì quyền phụ nữ trong thành phần ban soạn thảo dự án luật từ khâu xây dựng chính sách cho đến khi soạn thảo quy định cụ thể.

2.1.1.3. Quy định pháp luật về bảo đảm bình đẳng giới trong giai đoạn lập đề nghị xây dựng luật

Trong giai đoạn này, tương tự như quy định của Luật ban hành VBQPPL năm 2015, cơ quan lập đề xuất chính sách vẫn duy trì trách nhiệm phải tiến hành đánh giá tác động của chính sách. Cụ thể, theo Điều 29 của Luật năm 2025, nội dung của một báo cáo đánh giá tác động chính sách bao gồm các khía cạnh sau:

(1) Ảnh hưởng đối với hệ thống pháp luật: Nội dung này đòi hỏi việc xem xét tính hợp hiến, hợp pháp, và tính thống nhất của chính sách so với hệ thống pháp luật hiện hành; đồng thời phải phân tích mức độ tương thích của chính sách với các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên.

(2) Đánh giá các khía cạnh kinh tế - xã hội: Đây là việc phân tích, dự báo các chi phí và lợi ích, cùng các tác động tích cực lẫn tiêu cực của chính sách. Việc đánh giá này phải bao quát một hoặc nhiều lĩnh vực như: sản xuất, kinh doanh, việc làm, môi trường, y tế, giáo dục, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh, khoa học, công nghệ, phân cấp - phân quyền, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các vấn... đề kinh tế - xã hội khác.

(3) Xem xét tác động về giới (nếu có): Dựa trên cơ sở phân tích các cơ hội, điều kiện, cũng như năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới khi chính sách được ban hành.

(4) Tác động của thủ tục hành chính: Việc đánh giá này tập trung vào phân tích sự cần thiết của việc ban hành thủ tục hành chính để đảm bảo thi hành chính sách.

2.1.1.4. Quy định pháp luật về bảo đảm bình đẳng giới trong giai đoạn soạn thảo dự án luật

Ở giai đoạn soạn thảo, cơ quan trình dự án luật, nghị quyết có thể tự mình thực hiện hoặc phân công cho một đơn vị khác. Quá trình này bắt buộc phải tuân thủ các nguyên tắc cốt lõi của việc xây dựng pháp luật (quy định tại Điều 5 của Luật ban hành VBQPPL 2025), bao gồm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ, khả thi và minh bạch. Quy định này khá chung chung, nên cũng chưa thể khẳng định chắc chắn rằng trong trường hợp xây dựng nội dung có liên quan đến vấn đề bình đẳng giới sẽ có chuyên gia về giới trong ban soạn thảo.

2.1.1.5. Quy định pháp luật về bảo đảm bình đẳng giới trong giai đoạn lấy ý kiến, tham vấn, phản biện xã hội về dự án luật

Luật ban hành VBQPPL năm 2025 cũng quy định rõ các trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo trong giai đoạn này: (1) Tổ chức lấy ý kiến: Phải lấy ý kiến các Đoàn đại biểu Quốc hội, các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan đến chức năng quản lý.

2.1.1.6. Quy định pháp luật về bảo đảm bình đẳng giới trong giai đoạn thẩm định, thẩm tra dự án luật

Về hồ sơ gửi thẩm định, Luật ban hành VBQPPL năm 2025 yêu cầu bổ sung các tài liệu: Bản đánh giá về phân quyền, phân cấp, chính sách dân tộc (nếu có); Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách (trong trường hợp thuộc khoản 2 Điều 27 của Luật); Bản so sánh chi tiết giữa dự thảo sửa đổi, bổ sung với luật, nghị quyết hiện hành; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo với các nghị định, quyết định liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Sau khi nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải tiến hành nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý dự thảo. Quy trình này yêu cầu tính giải trình cao: đối với các nội dung không tiếp thu, cơ quan chủ trì phải có ý kiến giải trình cụ thể và xây dựng báo cáo chi tiết về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

Trong giai đoạn thẩm tra dự án luật tại Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Luật ban hành VBQPPL năm 2025 về cơ bản kế thừa các quy định của Luật năm 2015 liên quan đến trách nhiệm, nội dung, phương thức và báo cáo thẩm tra. Tuy nhiên, Luật năm 2025 đã sửa đổi, bổ sung để mở rộng phạm vi nội dung thẩm tra.

2.1.1.7. Quy định pháp luật về bảo đảm bình đẳng giới trong giai đoạn xem xét, thông qua dự án luật

Khi dự án luật được chuyển sang giai đoạn Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến và giai đoạn Quốc hội xem xét thông qua, việc bảo đảm bình đẳng giới không được quy định thành một nội dung thảo luận riêng rẽ. Thay vào đó, nó được lồng ghép trong các báo cáo chung.

Trách nhiệm này bao quát toàn bộ vòng đời của văn bản, từ khâu lập chính sách, soạn thảo, lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện, cho đến khi văn bản được ban hành và tổ chức thi hành. Cụ thể, Điều 40 và Điều 41 của Luật năm 2025 quy định rõ cơ quan trình dự án phải giữ vai trò chủ trì trong việc tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo trong suốt quá trình Quốc hội xem xét, thông qua.

2.1.1.8. Quy định pháp luật về giám sát việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

Luật hoạt động Giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 có quy định: Giám sát là việc chủ thể giám sát theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát trong việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Thẩm quyền giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội được quy định rõ đối với các loại văn bản quy phạm pháp luật và đối với việc thực thi Hiến pháp, luật. Theo đó, Quốc hội chịu trách nhiệm giám sát văn bản luật của Quốc hội tuy nhiên mới chỉ tập trung ở việc giám sát việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của những văn bản này.

2.1.2. Đánh giá quy định pháp luật hiện hành về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam

Về mặt tích cực, Nhà nước ta đã xây dựng được một khung pháp lý khá hoàn chỉnh cho bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật.

Tuy nhiên, quy định pháp luật hiện hành về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật vẫn bộc lộ những hạn chế.

Một là, so với Luật Ban hành VBQPPL năm 2015, Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 dường như đang có sự “thụt lùi” trong việc quy định cơ sở pháp lý cho việc bảo đảm bình đẳng giới. Từ việc được quy định rất bài bản, rõ nét trong Luật 2015, đến Luật 2025, sau 10 năm triển khai thi hành Luật 2015 với nhiều khó khăn vướng mắc trong công tác thực hiện lồng ghép bình đẳng giới, quy định về lồng ghép đã không còn được giữ lại.

Hai là, quy định pháp luật hiện nay đang chưa chú trọng đến bảo đảm bình đẳng giới trong thành phần ban soạn thảo. Thành phần ban soạn thảo các dự án luật hiện nay đang chưa chú trọng tới việc phải bảo đảm sự tham gia của phụ nữ và các tổ chức đại diện bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ, mới chỉ có đề cập đến những chủ thể này với vị trí là đối tượng được lấy ý kiến hoặc tham vấn ý kiến trong quy trình xây dựng luật.

Ba là, cách quy định “đánh giá tác động về giới (nếu có)” trong đánh giá tác động của chính sách vẫn còn thiếu khoa học, làm giảm vai trò quan trọng và không đúng bản chất của đánh giá tác động về giới của chính sách

Bốn là, các quy định của pháp luật hiện hành chưa quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể trong việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật.

Năm là, có thể nhận thấy rằng hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về kỹ thuật lồng ghép giới trong quy trình lập pháp.

Sáu là, quy định về phân tích giới, bảo đảm nguồn lực cho việc thực hiện bảo đảm bình đẳng giới vẫn chưa được quy định cụ thể, thậm chí phân tích giới đang không được quy định rõ ràng mà mới chỉ đề cập chung chung cần xác định vấn đề giới.

Bảy là, trong trường hợp ban hành luật theo thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt, việc bảo đảm bình đẳng giới phải thực hiện như thế nào không được đề cập tới.

Tám là, các quy định về giám sát việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật vẫn chưa rõ nét và chưa làm nổi bật được phương thức này. Hoạt động giám sát văn bản luật của Quốc hội đang được quy định tại Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 tuy nhiên còn khá chung chung về giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước và giám sát văn bản quy phạm pháp luật, chưa đủ chặt chẽ làm cơ sở pháp lý cho hoạt động này trong thực tiễn.

2.2. Thực tiễn bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam

2.2.1. Kết quả đạt được về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam

Công tác lồng ghép bình đẳng giới trong quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) ngày càng nhận được sự chú trọng, thể hiện qua số lượng văn bản luật được lồng ghép bình đẳng giới tăng lên.

Thứ hai, ghi nhận sự chủ động của các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực thi lồng ghép giới khi xây dựng và ban hành luật, một yếu tố then chốt góp phần bảo đảm bình đẳng thực chất giữa hai giới.

Thứ ba, việc đánh giá tác động về giới của chính sách ngày càng được chú trọng trong quá trình đề nghị xây dựng luật. Thực tiễn cho thấy, trong những năm gần đây, số lượng các dự án luật có thực hiện đánh giá tác động về giới có xu hướng gia tăng.

Thứ tư, chất lượng của công tác bảo đảm bình đẳng giới nói chung, và đặc biệt là hoạt động đánh giá tác động (ĐGTD) về giới của chính sách trong xây dựng luật, đang ngày càng được cải thiện.

2.2.2. Hạn chế trong bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam và nguyên nhân của hạn chế

2.2.2.1. Hạn chế trong bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, thực tiễn cũng cho thấy việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật còn nhiều bất cập, hạn chế. Biểu hiện rõ ràng nhất là chất lượng của công tác lồng ghép bình đẳng giới chưa được đảm bảo.

Thứ nhất, việc bảo đảm bình đẳng giới trong quy trình lập pháp còn mang nặng tính hình thức.

Thứ hai, công tác triển khai bảo đảm bình đẳng giới trong giai đoạn soạn thảo dự án luật tại các cơ quan có thẩm quyền và cơ chế phối hợp liên ngành chưa đạt được hiệu quả thực chất

Thứ ba, hoạt động đánh giá tác động về giới của chính sách còn mang tính một chiều, chủ yếu phản ánh góc nhìn của cơ quan nhà nước mà chưa thu thập đủ ý kiến phản hồi từ xã hội, đặc biệt là từ các nhóm đối tượng chịu tác động trực tiếp.

Thứ tư, trong giai đoạn soạn thảo luật, vẫn còn nhiều quy định chưa thực sự đạt được yêu cầu “chuyển biến giới” (thay đổi giới) để thúc đẩy bình đẳng giới thực chất.

Thứ năm, bình đẳng giới vẫn chưa đạt được một cách thực chất trong thực tiễn, trên mọi lĩnh vực đời sống.

Cuối cùng, nguồn lực dành cho hoạt động lồng ghép giới, bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật còn chưa đầy đủ và không tương xứng với yêu cầu

2.2.2.2. Nguyên nhân của hạn chế trong bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam

Những hạn chế vẫn đang tồn tại và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của công tác lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng luật. Các tồn tại này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm cả các yếu tố khách quan và chủ quan.

Thứ nhất, bản chất của việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật là một vấn đề phức tạp và khó.

Thứ hai, một số cơ quan chủ trì soạn thảo luật còn chưa nhận thức đầy đủ về việc bảo đảm bình đẳng giới trong quy trình xây dựng luật.

Thứ ba, thiếu cơ sở dữ liệu phân tách theo giới, gây ra khó khăn cho việc xác định vấn đề giới, đánh giá tác động về giới.

Thứ tư, thiếu hụt nguồn nhân lực có chuyên môn sâu về giới và kinh nghiệm lập pháp, đồng thời vai trò của các cơ quan then chốt về bình đẳng giới (cơ quan quản lý nhà nước về BDG, MTTQVN, Hội LHPNVN) chưa được bảo đảm.

Thứ năm, chưa bảo đảm sự cân bằng giới trong các giai đoạn của quy trình xây dựng luật.

Thứ sáu, thiếu một hệ thống tiêu chí và công cụ hướng dẫn cụ thể về lồng ghép giới hay đánh giá tác động về giới của chính sách.

Thứ bảy, nguồn kinh phí dành cho hoạt động xây dựng luật nói chung và cho việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật nói riêng vẫn hạn chế.

Thứ tám, hệ thống các quy phạm pháp luật quy định về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật vẫn thiếu đồng bộ và thống nhất

Thứ chín, thiếu hụt quy định cụ thể, rõ ràng về ngân sách có trách nhiệm giới.

CHƯƠNG 3. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG XÂY DỰNG LUẬT Ở VIỆT NAM

3.1. Quan điểm tăng cường bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam

3.1.1. Tiếp tục bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật trên tinh thần bám sát chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng

3.1.2. Bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật để bảo đảm tốt hơn quyền, lợi ích chính đáng của phụ nữ và nhóm người yếu thế

3.1.3. Bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật nhằm hiện thực hoá chiến lược quốc gia về bình đẳng giới đến năm 2030

3.1.4. Bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

3.1.5. Bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật gắn liền với đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

3.2. Giải pháp bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật ở Việt Nam

3.2.1. Nâng cao nhận thức về bình đẳng giới

Thứ nhất, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến Luật Bình đẳng giới để nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm. Cần làm rõ rằng thực hiện bình đẳng giới không chỉ là nghĩa vụ của cá nhân mà là trách nhiệm chung của gia đình, các cơ quan nhà nước, và mọi tổ chức chính trị - xã hội.

Thứ hai, tăng cường các hoạt động tập huấn, đảm bảo các tài liệu tuyên truyền, giáo dục pháp luật về giới và bình đẳng giới tiếp cận được với mọi đối tượng, đặc biệt là phụ nữ và cộng đồng ở cơ sở. Cần lồng ghép các nội dung này vào các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Cách tiếp cận này vừa tạo điều kiện phát huy vai trò, vị thế của phụ nữ, vừa giúp cả nam và nữ xóa bỏ các tư tưởng lạc hậu, tạo môi trường thuận lợi để bình đẳng giới được thực thi hiệu quả hơn.

Thứ ba, thiết lập cơ chế phối hợp thống nhất, chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức để tạo nên sức mạnh tổng hợp. Sức mạnh này phải hướng đến việc nâng cao nhận thức về giới cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; đồng thời phải kiên quyết lên án, đấu tranh chống tư tưởng coi thường phụ nữ và mọi hành vi phân biệt đối xử, xâm hại, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ cũng như các nhóm yếu thế trong xã hội.

Thứ tư, đẩy mạnh việc tích hợp nội dung giáo dục khoa học giới vào hệ thống nhà trường phổ thông. Điều này giúp thanh thiếu niên sớm hình thành nhận thức đúng đắn, cơ bản và có hệ thống về các vấn đề giới, từ đó xây dựng ý thức trách nhiệm về bình đẳng giới trong gia đình và xã hội.

Thứ năm, chú trọng các hoạt động truyền thông hai chiều: một mặt, vinh danh, nêu gương các điển hình, tấm gương tốt trong thực hiện bình đẳng giới; mặt khác, tạo dư luận xã hội mạnh mẽ, công khai qua các phương tiện truyền thông đối với những vụ việc vi phạm pháp luật về bình đẳng giới. Cần tận dụng tối đa các sản phẩm truyền thông hiện đại và các nền tảng mạng xã hội.

3.2.2. Hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan đến bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật một cách toàn diện, đồng bộ

3.2.2.1. Sửa đổi một cách cơ bản và toàn diện Luật Bình đẳng giới năm 2006

Sau gần 20 năm thi hành, Luật Bình đẳng giới năm 2006 đã bộc lộ nhiều hạn chế, nhu cầu tiên quyết cần sửa đổi Luật Bình đẳng giới 2006 cho phù hợp với bối cảnh mới, mở rộng khái niệm bình đẳng giới, bản dạng giới và chuẩn hoá một số khái niệm công

cụ (phân tích giới, lồng ghép giới, ngân sách có trách nhiệm giới...) đồng thời tiếp tục quy định và làm rõ hơn nội dung lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Đặc biệt cần làm rõ nội hàm của phân tích giới để bảo đảm thực hiện đúng các nội dung của phân tích giới, tránh gây nhầm lẫn, khó hiểu về phân tích giới và đánh giá tác động về giới.

3.2.2.2. Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành

Mặc dù Luật ban hành 2025 mới được ban hành và cũng vừa trải qua thêm 01 lần sửa đổi bổ sung trong cùng năm 2025, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế, trong đó có hạn chế trong việc quy định nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật. Trong thời gian tới cần nghiên cứu để tiếp tục sửa đổi, bổ sung với các nội dung trọng tâm sau đây:

Thứ nhất, cần tập trung vào việc chính thức hóa nguyên tắc "bảo đảm lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật", nhằm mục đích: Bảo đảm tính đồng bộ và thống nhất với các quy định đã có trong Luật Bình đẳng giới 2006 và phản ánh rõ nét bản chất cốt lõi của công tác lồng ghép giới.

Thứ hai, cần sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 29 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 theo hướng bỏ cụm từ “nếu có” trong quy định về đánh giá tác động về giới.

Thứ ba, cần quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể có thẩm quyền trong việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật.

Thứ tư, làm rõ và tăng cường vị thế pháp lý của các tổ chức khoa học, chuyên gia và đặc biệt là Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong quá trình bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật.

3.2.2.3 Ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết về nghiệp vụ, kỹ thuật và tiêu chí xác định mức độ bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

Bộ Tư pháp có thể cân nhắc việc thể chế hóa các hướng dẫn, công cụ và tiêu chí xác định mức độ bảo đảm bình đẳng giới về cả hình thức, nội dung và kết quả pháp lý trong từng giai đoạn quy trình xây dựng luật trong một Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Thông tư này sẽ là văn bản hướng dẫn chi tiết nghiệp vụ lồng ghép giới trong xây dựng VBQPPL, bao gồm cả kỹ thuật, công cụ để thực hiện Phân tích giới, Đánh giá tác động về giới, Kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ lập pháp có nhạy cảm giới, tiêu chí đánh giá mức độ bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật.

3.2.2.4 Hoàn thiện quy định pháp luật về giám sát việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

Để tăng cường hoạt động giám sát việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật. Luật Giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân cần có những thay đổi căn bản. Các hoạt động này cần được tiến hành kịp thời, theo một kế hoạch cụ thể tại mọi cấp, mọi ngành, tập trung vào việc kiểm soát toàn bộ quy trình bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật Mục tiêu của hoạt động này là tạo ra một diễn đàn chính thức để trao đổi thông tin. Qua đó, cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới và các đơn vị được kiểm tra có thể cùng nhau đối thoại, chia sẻ để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Cần sửa đổi quy định của Luật này theo hướng bổ sung việc giám sát của Quốc hội xuyên suốt quy trình xây dựng luật, đặc biệt giám sát việc tổ chức lấy ý kiến và tham vấn ý kiến trong quy trình lập pháp.

3.2.2.5. Rà soát và hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, nhóm yếu thế

Cần đẩy mạnh công tác rà soát và hệ thống hóa các VBQPPL có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và nhóm yếu thế.

Hoạt động rà soát này cần được xem là một nhiệm vụ định kỳ và liên tục, đòi hỏi sự duy trì và đẩy mạnh hơn nữa. Mục tiêu là để có thể phát hiện kịp thời các vấn đề liên quan

đến giới trong quá trình hệ thống hóa VBQPPL tại các cơ quan, đơn vị. Dựa trên kết quả phát hiện, các cơ quan cần tiến hành sửa đổi, bổ sung, hoặc kiến nghị các phương án điều chỉnh để đảm bảo sự tương thích với Công ước CEDAW và Luật Bình đẳng giới. Đồng thời, cần tăng cường rà soát và hệ thống hóa chính các quy phạm pháp luật hiện hành về vấn đề lồng ghép bình đẳng giới trong quy trình lập pháp. Việc này nhằm mục đích sớm đề xuất ban hành các quy phạm mới, hoặc sửa đổi, hoàn thiện các quy định hiện có. Mục tiêu cuối cùng là bảo đảm việc lồng ghép giới trong xây dựng luật và pháp lệnh được thực thi tốt, góp phần đạt được mục tiêu bình đẳng giới.

3.2.2.6. Nghiên cứu và xây dựng hoàn thiện ngân sách có trách nhiệm giới

Đây là một nội dung quan trọng để từ đó có thể bảo đảm nguồn lực tài chính cho công tác bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật.

3.2.3. Nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

3.2.3.1. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng pháp luật có kiến thức về giới

Đây cũng là chủ trương lớn trong thời gian tới, hiện nay Đảng đã có những chủ trương rất rõ rệt trong việc đổi mới toàn diện công tác xây dựng và thi hành pháp luật, trong đó có một nội dung về bảo đảm chính sách, chế độ cho người làm công tác xây dựng pháp luật

3.2.3.2. Đa dạng hoá các hình thức lấy ý kiến công chúng, tham vấn và phản biện xã hội trong quá trình xây dựng luật

Mục tiêu là nhằm phát huy quyền làm chủ của người dân, đồng thời tăng cường giám sát đối với hoạt động lồng ghép bình đẳng giới trong quy trình lập pháp.

Bên cạnh đó, cần nghiên cứu tổ chức, thúc đẩy sự phát triển của nhóm đánh giá độc lập, gồm các thành viên hoạt động với tư cách chuyên gia đánh giá, có thể từ cơ quan nhà nước hoặc ngoài nhà nước, song tất cả các thành viên sẽ thực hiện việc đánh giá một cách độc lập, khách quan theo mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể của nhóm theo mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể của nhóm.

3.2.3.3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

Một cơ sở cực kỳ quan trọng để có thể thực hiện tốt ĐGTD về giới và ĐGTĐCS đó là cần nguồn thông tin đầu vào với các số liệu có phân tích giới, nhạy cảm giới.

3.2.3.4 Tăng cường kinh phí cho việc bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật

Kinh phí là yếu tố quan trọng bảo đảm cho việc lồng ghép bình đẳng giới trong quá trình xây dựng pháp luật được thực hiện một cách thực chất và hiệu quả. Thực tiễn cho thấy, ở nhiều quốc gia có hệ thống lập pháp phát triển, chi phí dành cho phân tích giới trong xây dựng luật được coi là một phần không thể tách rời của ngân sách lập pháp, được dự toán ngay từ giai đoạn lập kế hoạch xây dựng văn bản. Cách làm này bảo đảm rằng các hoạt động lồng ghép giới không bị xem là phụ trợ, mà là một thành tố bắt buộc trong quy trình lập pháp, qua đó nâng cao chất lượng và tính công bằng của chính sách pháp luật.

3.2.3.5. Tăng cường hợp tác quốc tế để học tập, tham khảo kinh nghiệm nước ngoài

Hoạt động đánh giá tác động về giới của chính sách, lồng ghép giới trong lập pháp vẫn là những vấn đề mới, phức tạp, và Việt Nam còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn. Do đó, việc đẩy mạnh hợp tác quốc tế là vô cùng cần thiết. Mục tiêu là để học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm về lồng ghép giới, đặc biệt là các nghiên cứu điển hình về những rào cản giới tiềm ẩn trong các dự thảo luật. Đồng thời, cần tích cực vận động các nguồn lực tài chính, kỹ thuật từ các chương trình, dự án của tổ chức quốc tế, các chính phủ và tổ chức phi chính phủ để hỗ trợ thực hiện mục tiêu bình đẳng giới quốc gia.

KẾT LUẬN

Việc tích hợp yếu tố giới vào quá trình lập pháp là cần thiết để dự báo các tác động khác biệt của chính sách, chủ động khắc phục các bất bình đẳng hiện hữu, và bảo đảm tính khả thi của văn bản, bởi lẽ nam và nữ, do các đặc thù riêng, sẽ chịu ảnh hưởng không giống nhau từ cùng một chính sách.

Tổng kết quá trình thực thi cho thấy Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Về cơ bản, một hệ thống quy phạm pháp luật cho việc bảo đảm bình đẳng giới trong quy trình lập pháp đã được hình thành. Các cơ quan chủ trì soạn thảo đã thể hiện sự chủ động hơn, dẫn đến sự gia tăng về cả số lượng lẫn chất lượng của các dự thảo luật có xem xét yếu tố giới. Vấn đề này cũng ngày càng thu hút được sự quan tâm và chú trọng từ xã hội. Tuy nhiên, thực tiễn vẫn còn tồn tại nhiều bất cập và các khoảng trống pháp lý, gây trở ngại cho hoạt động bảo đảm bình đẳng giới một cách thực chất trong luật. Hệ thống quy phạm pháp luật về bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng luật vẫn thiếu đồng bộ; các quy định cụ thể để hướng dẫn phân tích giới, đánh giá tác động về giới, kỹ thuật lập pháp có nhạy cảm giới còn chưa rõ ràng. Nguồn kinh phí dành cho hoạt động xây dựng pháp luật nói chung và lồng ghép giới nói riêng còn hạn hẹp. Hơn nữa, công tác triển khai và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa đạt hiệu quả cao, đặc biệt là sự thiếu hụt nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn sâu về giới.

Để nâng cao chất lượng hoạt động này trong thời gian tới, cần tiếp tục xác định bảo đảm bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật là một nhiệm vụ trọng tâm và triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp. Về mặt pháp lý, cần tăng cường rà soát, hệ thống hóa văn bản; quy định rõ ràng trách nhiệm của các chủ thể có thẩm quyền; và xác định cụ thể vị trí, vai trò của các chuyên gia, nhà khoa học và Hội LHPNVN. Về mặt tổ chức thực hiện, cần đẩy mạnh tập huấn chuyên môn; tăng cường thanh tra, giám sát; mở rộng các hoạt động phản biện xã hội; và thúc đẩy hợp tác quốc tế. Trong đó, giải pháp nâng cao nhận thức về bình đẳng giới phải được xem là giải pháp chiến lược, lâu dài và là trọng tâm của mọi nỗ lực./.